

KẾT QUẢ THI PHÒNG THI 1208

STT	Mã học sinh	Họ và tên	SBD	Điểm thi						Ghi chú
				Lịch sử	Toán	Địa lí	Tiếng Anh	Ngữ Văn	Sinh học	
1	51663091	Đỗ Phương Anh	124008	8,75	5,5	9,75	6,6	8	7,5	12A2
2	51669632	Nguyễn Hoàng Anh	124016	8,5	5,25	7,25	7,3	7,5	9,75	12A4
3	51670504	Phạm Thế Anh	124024	8,25	5,25	8	6	5,5	6,25	12A6
4	51670949	Phạm Quốc Bảo	124032	6,75	6	8,75	6,5	6,5	8,25	12A7
5	51663073	Vũ Thị Minh Châu	124040	9,25	5,5	9,75	7,5	7,75	7,5	12A2
6	51662548	Nguyễn Thị Thủy Diệu	124048	8	5,5	9,5	7	7	10	12A2
7	51669359	Vũ Trí Dũng	124056	9,25	5,25	9,5	6,1	7,5	8,75	12A3
8	51669651	Trịnh Tuấn Dương	124064	8	5,25	9,25	7	7,5	7	12A4
9	51670130	Phạm Công Đạt	124072	7,75	6,25	9,5	6	6,5	6,75	12A5
10	51671624	Phùng Nguyễn Khoa Diễm	124080	8,5	5,75	9,5	5,8	6,5	7,5	12A7
11	51669655	Vũ Văn Đức	124088	8	5,25	8,5	6,2	7	7,25	12A4
12	51669361	Đinh Văn Hậu	124096	8	5	8,75	6,1	6,5	6,75	12A3
13	51670127	Nguyễn Trung Hiếu	124104	7	5,25	7	5,2	7,5	7,75	12A5
14	51669355	Trần Thị Ánh Hồng	124112	8,75	6,5	9,75	6,7	7	8,5	12A3
15	51671478	Giang Mạnh Huy	124120	8,25	5	8,5	6,5	6,5	6,5	12A6
16	51670131	Phạm Dương Huy	124128	8,25	5,25	8,75	6,7	7	8	12A5
17	51670937	Nguyễn Thu Huyền	124136	6,25	6,5	4,75	5,5	6,5	4,75	12A7
18	51662545	Nguyễn Thị Lan Hương	124144	9,25	5	10	5	5,5	9,5	12A2
19	51670502	Phạm Nam Khánh	124152	7,5	5,5	9,25	6	6,5	8,25	12A6
20	51669360	Đinh Nhân Kiệt	124160	8,5	5,5	8,75	6,7	7,5	7,25	12A3
21	51671512	Hoàng Thị Nhật Linh	124168	8,25	5,75	8,25	5,8	7	7	12A3
22	51650019	Nguyễn Trần Ngọc Linh	124176	8	5	8,5	6,3	6,5	8,5	12A1
23	51671176	Trương Thị Bích Loan	124184	9	5,25	9,5	5	7,5	9	12A8
24	51671504	Hoàng Trung Lương	124192	7,25	5,25	8,5	6,3	7	7,5	12A5
25	51671605	Nguyễn Thị Hoàng Minh	124200	9,25	7,5	9,25	7	8,5	9,75	12A1
26	51663057	Trần Hải Nam	124208	8	5,25	9,25	5,3	6,5	8,5	12A2
27	51669362	Đoàn Minh Nhật	124216	8	5,5	8,75	6,4	7	8,5	12A3
28	51662543	Nguyễn Quỳnh Như	124224	9,25	5,5	8,5	5,7	6,5	8,25	12A2
29	51670139	Trần Đức Phong	124232	6	5,25	6,75	5	6	5,5	12A5
30	51651604	Bùi Hoài Phương	124240	7	5,25	8	5,6	6,5	8,75	12A2
31	51650007	Bùi Phạm Minh Quân	124248	9	6,5	7,25	5,5	6	8	12A1
32	51670929	Dịp Minh Sơn	124256	7,5	6,5	9,25	6	5,5	6,75	12A7
33	51670108	Bùi Trọng Thành	124264	9	8,25	9,75	7	7,5	9	12A5
34	51670958	Vũ Thị Thắm	124272	7,75	4,75	8,25	5,6	7	8	12A7
35	51671187	Vũ Thị Anh Thơ	124280	8	6	10	5,2	6	8,5	12A8
36	51662553	Phạm Anh Thư	124288	9,25	6,25	9,75	6,8	7	9,25	12A2
37	51650009	Hoàng Mai Trang	124296	9,25	7,25	9,25	7	7,5	8	12A1
38	51650355	Vũ Huyền Trang	124304	9,25	7,5	9,75	7	7	9,75	12A1
39	51671709	Trần Nam Trường	124312	7,5	5,5	8,75	5,5	5	7,25	12A7
40	51669657	Đào Thanh Tùng	124320	9,25	6,5	9	7,8	6	9,25	12A4
41	51650350	Trần Quang Vinh	124328	8	6,5	10	7,3	6	9,75	12A1